TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11/4/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Sâm.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P, anh L đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 2/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Từ tháng 6/2024 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh L nữa. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2016. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị và bố mẹ đẻ chị tại khu P, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Cháu V đang học tại trường tiểu học T1, gần nhà bố mẹ chị, bố mẹ chị có nhà cửa đất đai ổn định và có thời gian giúp đỡ chị trong việc chăm sóc cháu V nên cháu V được ăn ở và học tập ổn định. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc V và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

2, Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2025 anh Trần Văn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2024 đến nay. Nay chị P xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con nên anh đề nghị Toà án cho anh thêm thời gian đến hết tháng 02/2025 để hàn gắn tình cảm với chị P. Trường hợp anh không hàn gắn được tình cảm vợ chồng thì anh sẽ nhất trí ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2016. Hiện nay, cháu V đang ở cùng với chị P. Nếu ly hôn thì nguyện vọng của anh là xin được nuôi cháu V và không yêu cầu chi P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh L không yêu cầu giải quyết.

3, Nguyện vọng của cháu Trần Quốc V: Tại bản tự khai ngày 21/01/2025 cháu V có nguyện vọng xin được ở với chị P.

4, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 13/02/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn L có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị P về chung sống cùng anh L tại nhà bố mẹ đẻ anh L tại khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ được một thời gian thì anh chị thuê nhà ra ngoài ở và làm lao động tự do. Quá trình

chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ tháng 6/2024 đến nay chị P đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị P ở, còn anh L đi làm ở xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chị P và anh L có 01 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2016. Hiện nay, cháu V đang ở cùng chị P và bố mẹ đẻ chị P tại xã T (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nay chị P xin ly hôn anh L, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 18/02/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn L có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị P và anh L có 01 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2016. Hiện nay, cháu V đang ở cùng chị P và bố mẹ đẻ chị P tại xã T (nay là xã P). Nay chị P xin ly hôn anh L, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2016 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P tự nguyện không yêu cầu. Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị P, anh L đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị P và anh L là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Chị P, anh L đều xác nhận vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 2/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Khi mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trở nên trầm trọng, tháng 6/2024 chị P đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh L nữa. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị P và anh L được đại diện chính quyền địa phương cung cấp quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ tháng 6/2024 đến nay chị P đã về nhà bố mẹ đẻ chị P ở, anh chị mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị P và anh L đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh L là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P anh L có 01 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2016. Khi ly hôn cả chị P và anh L đều đề nghị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu V xin được ở với chị P. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng hiện nay cháu V đang ở cùng chị P và bố mẹ chị P, được chị P nuôi dưỡng chăm sóc tốt. Ngoài ra chị P còn được bố mẹ đẻ giúp đỡ trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của con chung cần giao cháu V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị P tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 271; Điều 273 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn L.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2016 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P tự nguyện không yêu cầu. Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005080 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã M;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền